

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT
TRẦN HƯNG ĐẠO – HÀ ĐÔNG
Số: 168 /CK-THPTTHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Đông, ngày 17 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Công văn số 1980/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện thông tư 09/2024/TT-BGDĐT quy định về công khai trong hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông công khai trong trường học đầu năm học 2024 – 2025 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Số 157, phố Xóm, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội.

- Thư điện tử: c3tranhungdao2@hanoiedu.vn

- Trang web: thpttranhungdaohd.hanoi.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu:

Trường trung học phổ thông công lập, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

Tầm nhìn: Là một trong những trường THPT không chuyên thuộc top trung bình phải vươn lên trở thành trường top đầu của thành phố để học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, sẽ là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

Mục tiêu:

Mục tiêu chung: “Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường”

Xây dựng và củng cố danh hiệu trường chuẩn quốc gia, có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Mục tiêu riêng: Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông; biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học; có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hoà nhập và chia sẻ; có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông được thành lập tháng 8 năm 1985 theo quyết định số 553 của UBND tỉnh Hà Sơn Bình. Ngày đầu thành lập trường mang tên PTTH Kỹ thuật Bắc Thanh Oai, học nhờ mặt bằng của Hợp tác xã sơn mài Huyện Kỳ thuộc xã Phú Lãm, huyện Thanh Oai. Năm 1987, trường được UBND tỉnh Hà Sơn Bình giao 11.280m² đất tại thôn Quang Lãm, xã Phú Lãm, huyện Thanh Oai để xây dựng trường. Cũng năm này, trường được UBND huyện Thanh Oai và Sở GD&ĐT Hà Tây đổi tên thành Trường PTTH Trần Hưng Đạo. Sau hai lần thay đổi địa giới hành chính, tới năm 2008 trường mang tên THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Đào Ngọc Sỹ Số điện thoại: 0905833988

Thư điện tử: sydn75@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số: 500/QĐ-UBND ngày 23/01/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc đổi tên trường thành trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số: 178/QĐ-SGDĐT ngày 27/01/202023 của Giám đốc Sở GD&ĐT Hà Nội về việc công nhận Hội đồng trường.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 17/2/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ nhiệm Th.s nhà giáo Đào Ngọc Sỹ giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông.

Quyết định số: 1234/QĐ-SGDĐT ngày 19/8/2022 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông đối với ông Nguyễn Mạnh Thắng.

Quyết định số: 974/QĐ-SGDĐT ngày 29/5/2023 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông đối với bà Nguyễn Thị Mai Thu.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi %	Số tiền
1	Ngân sách 2024 nguồn kinh phí đặt hàng	Chi lương, các khoản đóng theo lương.	75%	12.130.77.662
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục.	25%	4.176.175.338

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

* Thu học phí:

- Theo nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 21/08/2021 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Theo nghị quyết 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024. Mức thu: 217.000đ/tháng

* Các khoản thu khác trong năm học:

- Khoản thu bắt buộc:

+ Thu học phí 217.000đ/ tháng và được thu 2 đợt là kì 1 và kì 2

+ Bảo hiểm y tế học sinh 884.520đ/ năm

- Khoản thu thỏa thuận:

+ Thu nước uống 15.000đ/ tháng và được thu 2 đợt kì 1 và kì 2

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Kinh phí ngân sách cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng/hàng quý trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

Mục 3. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Ban Giám hiệu: 03 đồng chí (trình độ trên chuẩn 3/3)

- Giáo viên: 75 viên chức; 10 hợp đồng (7 hợp đồng theo Nghị định 111; 3 hợp đồng thỉnh giảng)

- Nhân viên văn phòng: 10 đồng chí (1 kế toán; 1 y tế; 1 thư viện; 2 thiết bị; 4 bảo vệ hợp đồng 111; 1 tạp vụ). Hiện còn thiếu nhân viên Văn thư.

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo, chuẩn nghề nghiệp;

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	88	1	38	44	1	4		44	34		11	57	10	
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	75	1	35	39				44	31					

1	Toán	12		8	4				6	6				
2	Lý	7		5	2				2	5				
3	Hóa	7		7					1	6				
4	Sinh	5		1	4				4	1				
5	Văn	10	1	4	5				6	4				
6	Sử	4		1	3				3	1				
7	Địa	4		2	2				2	2				
8	Anh	10		4	6				6	4				
9	Tin học	4		1	3				3	1				
10	GDCD	3			3				2	1				
11	GDQP	2			2				2					
12	Thể dục	4			4				4					
13	Công nghệ	2		1	1				2					
14	Âm nhạc	1			1				1					
II	Cán bộ quản lý	3		3						3				
1	Hiệu trưởng	1		1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2				
III	Nhân viên	10			4	2	4							
1	Nhân viên văn thư	0												
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	0												
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên thư viện	1			1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2			2									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin													
9	Nhân viên khác	5				2	3							

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý 03, đạt bồi dưỡng 100%;
- Giáo viên 75, đạt bồi dưỡng 100%.
- Nhân viên: 10, đạt bồi dưỡng 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường: 11280m², Điểm trường 01;

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: Đạt yêu cầu

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	28	
2	Phòng vi tính	1	
3	Phòng đồ dùng chuẩn bị thí nghiệm	6	
4	Phòng thư viện	1	
5	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	1	
6	Phòng học bộ môn Vật lý	1	
7	Phòng học bộ môn Hóa học – Sinh	1	
8	Phòng học bộ môn Sinh học	1	
9	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	
10	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	
11	Phòng học Khoa học xã hội	1	
12	Phòng Ban giám hiệu	3	
13	Phòng Hội trường	1	
14	Phòng Y tế	1	
15	Phòng Đoàn đội	1	
16	Phòng sinh hoạt chuyên môn	2	
17	Phòng truyền thống	1	
18	Phòng Bảo vệ	1	
19	Nhà đa năng	1	
20	Tổng diện tích đất	11280 m ²	
21	Nhà xe giáo viên và học sinh	2	
22	Số máy vi tính	32	
23	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	6	
24	Camera	20	
25	Internet	VNPT, FPT	

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Phòng vi tính 32 chiếc;

Máy chiếu có kết nối Internet: 25 chiếc

Đảm bảo đủ điều kiện học tập

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối 10,11,12 thực hiện Chương trình GDPT 2018 với bộ sách Kết nối tri thức. Bộ môn Sinh học, Công nghệ NN, Địa lý thực hiện theo bộ sách cánh diều theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt danh mục lựa chọn SGK lớp 9, lớp 12 của cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	----
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	----
Tiêu chí 1.8		X	X	----
Tiêu chí 1.9		X	X	----
Tiêu chí 1.10		X	X	----
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-----
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	-----
Tiêu chí 5.4		X	X	-----
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết luận:

Đánh giá theo kiểm định chất lượng giáo dục: Mức độ 2

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Mức độ 1

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2025

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; (*không thực hiện*)
- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; (*không thực hiện*)
- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Anh

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THCS có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hà Nội
- Chỉ tiêu tuyển sinh: 675 học sinh (15 lớp)
- Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển theo kế hoạch của Sở GD&ĐT Hà Nội

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục

Số 286 /KH-THPTTHĐ ngày 13/9/2024 của trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:

- Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh).

- Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

- Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

- Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

- Chuyên đề hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp
- Chuyên đề sinh hoạt tổ chuyên môn, văn phòng

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Số lớp, số học sinh			Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS DTTS		Số HS khuyết tật	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
	Số lớp	Số HS	Nữ		Số HS	Nữ			
10	15	672	350	0	5	4		19	13
11	17	774	385	0	7	2	6	1	0

12	16	694	340	0	3	3	1	0	0
Tổng	48	2140	1075	0	15	9	7	20	13

b) Thông kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo;
thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Năm học 2024 -2025

+ Kết quả xếp loại Học tập, Rèn luyện theo Thông tư 22

Khối	Tổng	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	678	652	96.2	26	3.8					678	100						
11	695	766	90.3	8	1.03	1	0.13			766	98.8	9	1.16				
12	692	688	99.4	4	0.58					688	99.4	4	0.58				
Tổng	2145	2106	98.2	38	1.8	1	0.05			2132	99.4	13	0.61				

Học sinh lên lớp 2145/2145 HS đạt 100%.

Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Nội dung	Tốt nghiệp/ Tỉ lệ	Trúng tuyển ĐH, CĐ/ Tỉ lệ	Ghi chú
Số lượng HS lớp 12			

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).
(không thực hiện).

Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông công khai trong trường học, cuối năm học 2024 – 2025.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội (để b/cáo);
- Đăng trên Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đào Ngọc Sỹ